TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DSPT
Ngày: 14/3/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1585/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Đăng B, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lưu Đăng T; địa chỉ: Thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Như Đ - Văn phòng luật sư Bùi Đỗ và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Nhà NV4.3, khu chức năng đô thị TM, phường TM, quận NTL, thành phố Hà Nội; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đình X, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Ngô Xuân T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang T - Chủ tịch UBND huyện NS; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến K – Phó Chủ tịch UBND huyện NS; vắng mặt.

- UBND xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng X – Chủ tịch UBND xã AB; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phúc T – Phó Chủ tịch UBND xã AB; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Lưu Đăng B trình bày:

Vợ chồng ông được quyền sử dụng hợp pháp diện tích 890m^2 đất thổ cư và 318m^2 đất ao ở thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương, nguồn gốc đất là do ông cha để lại. Toàn bộ diện tích đất của vợ chồng ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tại bản đồ 299 lưu tại UBND xã AB thể hiện ông là chủ sử dụng thửa đất số 440, diện tích 440m^2 đất thổ cư, còn cụ Lưu Đăng Đ (bố ông) là chủ sử dụng hai thửa đất: thửa số 438, diện tích 450m^2 đất thổ cư và thửa số 439, diện tích 318m^2 đất ao. Sau khi bố mẹ ông mất, vợ chồng ông là người quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất thổ cư và ao đứng tên cụ Lưu Đăng Đ.

Anh Nguyễn Đình H có thửa đất giáp phần đất ao (giáp thửa số 439) của gia đình ông với diện tích theo bản đồ 299 là 120m^2. Đến năm 2001, gia đình anh H đã đổ đất lấn sang một phần diện tích ao của gia đình ông, ông đã đề nghị UBND xã giải quyết nhưng sau đó ông cũng chấp nhận cho anh H phần đất đã lấn chiếm, không đề nghị xã giải quyết nữa, cũng không khởi kiện ra Tòa án để đòi lại vì nghĩ diện tích lấn chiếm không nhiều và hai gia đình là hàng xóm, ông cũng đã tự đóng 2 cột bê tông và quây lưới ở phần giáp ranh đất của 2 gia đình để phân định ranh giới. Đến năm 2018, ông đề nghị gia đình anh H ký biên bản giáp ranh để gia đình ông hoàn thiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hiện trạng ông đang sử dụng là 928m^2 thì gia đình anh H không ký vì cho rằng đất của anh H còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc đó ông cũng mới biết anh H đã được UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/6/2002 với diện tích là 169m^2 (thừa so với bản đồ 299 là 49m^2). Do đó, ông xác định anh H đã lấn chiếm phần ao của gia đình ông là 49m^2 và UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

anh H đã chồng lấn lên đất của gia đình ông 49m^2.

Ông đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện NS đã cấp cho anh H vào ngày 26/6/2002 và buộc anh H phải trả lại vợ chồng ông 49m^2 đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị G thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Lưu Đăng B và ủy quyền cho ông Lưu Đăng B được toàn quyền giải quyết vụ án tại Tòa án.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Đình X trình bày: Ông là anh trai của anh Nguyễn Đình H, anh H bị khuyết tật từ nhỏ, không nhận thức và tự sinh hoạt được, phải có người chăm sóc; mẹ ông đã chết, bố ông là cụ Nguyễn Đình T đã già yếu nên những người trong gia đình cử ông là người đại diện cho anh H để giải quyết vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông B và anh H, ông không đề nghị giám định tâm thần đối với anh H.

Ông Nguyễn Đình X xác định nguồn gốc thửa đất mà anh H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/6/2002 là của ông Nguyễn Đình N, bà Đỗ Thị H (là anh trai và chị dâu anh H) để lại cho anh H, thửa đất này ông N, bà Hòa chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1989 ông N chết, bà Hòa đã cho anh H thửa đất của vợ chồng ông bà; bố mẹ và các anh chị em trong gia đình đều đồng ý cho anh H được quản lý, sử dụng thửa đất đó. Ngày 26/6/2002, UBND huyện NS đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H với diện tích 169m^2. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông đã sử dụng đất ổn định từ đó đến nay. Ông khẳng định anh H cũng như những người trong gia đình ông không lấn sang đất của ông B nên không đồng ý trả đất cũng như hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như yêu cầu khởi kiện của ông B.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện NS trình bày: Theo sổ mục kê và bản đồ 299 của UBND xã AB thì thửa đất số 439, diện tích 418m^2 (sổ mục kê ghi 318m^2), loại đất "A" (ao), chủ sử dụng là Hợp tác xã. Năm 1993, thửa ao này được tách ra thành 3 thửa: thửa số 304, diện tích 60m^2, số thửa 305, diện tích 148m^2, đều là loại đất ao và chủ sử dụng là UBND xã, thửa số 306, diện tích 139m^2, loại đất "T", chủ sử dụng là bà Đỗ Thị H (chị dâu anh H); ngày 26/6/2002, UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Đình H phần đất trong sổ mục kê năm 1993 ghi tên bà Hòa. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND xã AB lập, xét duyệt và trình UBND huyện cấp giấy. Hồ sơ có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Đình T làm và ký tên, có xác nhận của lãnh đạo xã AB; biên bản xét duyệt của xã; Quyết định của UBND huyện kèm theo danh sách các hộ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H không thể hiện có văn bản, giấy tờ chuyển quyền sử dụng đất từ bà Đỗ Thị H sang cho anh Nguyễn Đình H là chưa đảm bảo đầy đủ quy định của pháp luật.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho anh H năm 2002, không có tài liệu nào thể hiện anh H bị khuyết tật nặng. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu hiện có và các tài liệu thu thập bổ sung để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với sổ mục kê năm 2010 của xã, biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất đo vẽ ngày 21/6/2010 và trích lục đo vẽ bổ sung địa chính thửa đất có ghi tên chủ sử dụng Lưu Đăng B, số thửa 177, diện tích 928m^2 (có chữ ký và đóng dấu của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện NS) chỉ là tài liệu thể hiện ranh giới, hiện trạng sử dụng đất hiện nay của gia đình ông Lưu Đăng B.

Tại biên bản xác minh ngày 12/5/2020 và ngày 08/6/2020, văn bản trình bày ý kiến, đại diện lãnh đạo UBND xã AB và cán bộ địa chính xã cung cấp: Theo bản đồ 299 (đo vẽ năm 1980) và sổ mục kê kèm theo thể hiện: Thửa đất số 438, tờ bản đồ số 8, diện tích 450m^2, loại đất "T" thổ cư, tên chủ sử dụng là Lưu Đăng Đ (bố ông B); tại thửa số 440, tờ bản đồ số 8, diện tích 440m^2, loại đất "T" thổ cư, tên chủ sử dụng là Lưu Đăng B. Gia đình ông B cũng như ông Địch không có tên chủ sử dụng diện tích ao nào; thửa đất số 439, tờ bản đồ số 8, diện tích 418m^2 (trong sổ mục kê ghi diện tích 318m^2), loại đất "A" ao, tên chủ sử dụng là HTX (Hợp tác xã), không phải là của ông B.

Theo bản đồ 1993 cùng sổ mục kê kèm theo thể hiện: Tại thửa 290, tờ bản đồ số 03, diện tích 675m^2, loại đất "T" thổ cư, tên chủ sử dụng là Lưu Đăng B, ngoài ra ông B không đứng tên chủ sử dụng diện tích đất nào khác, lý do cụ Địch không có tên trong sổ mục kê năm 1993 nữa vì cụ Địch đã chết, thửa đất của cụ Địch được nhập vào thửa đất của ông B và do một mình ông B đứng tên với tổng diện tích là 675m^2. Tổng diện tích này thiếu so với hồ sơ địa chính 299 là do sai số trong quá trình đo đạc, còn hiện trạng vẫn giữ nguyên như cũ; tại thửa số 304 và 305, tờ bản đồ 03, có diện tích lần lượt là 60m^2 và 148m^2 đều là đất ao mang tên chủ sử dụng là UBND xã; tại thửa số 306, tờ bản đồ số 03, diện tích 139m^2, loại đất "T" thổ cư, tên chủ sử dụng là Đỗ Thị H (chồng là Nguyễn Đình N - là anh trai anh Nguyễn Đình H), năm 2002, phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H với diện tích 169m^2, diện tích tăng lên so với hồ sơ địa chính năm 1993 là do sai số đo đạc. Như vậy, các thửa đất số 304, 305 và 306 được tách ra từ thửa đất số 439, diện tích 318 của chủ sử dụng là Hợp tác xã.

Đến năm 2002, UBND xã lại tiếp tục làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Bùi Xuân Tưởng một phần diện tích đất ao là 60m^2 nên diện tích ao do UBND xã quản lý còn lại là 148m^2. Năm 2010, gia đình ông Lưu Đăng B đã tự ý sử dụng toàn bộ phần đất ao tại thửa số 305 do UBND xã quản lý là 148m^2 nên tổng diện tích đất của gia đình ông B theo hiện trạng là 928m^2 (thể hiện trong sổ mục kê năm 2010, biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất đo vẽ ngày 21/6/2010 và trích lục đo vẽ bổ sung địa chính thửa đất). Từ thời điểm đo đạc lập bản đồ 299 đến nay, hộ gia đình ông B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần nào. Phần đất ao mà ông B

cho rằng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông vẫn thuộc quyền quản lý của UBND xã AB (hiện còn 148m^2), chưa khi nào gia đình ông B được công nhận quyền sử dụng hợp pháp phần đất này.

Anh Nguyễn Đình H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 169m^2, năm 2010 UBND xã AB tiến hành đo khảo sát hiện trạng sử dụng đất của các hộ trong xã thì diện tích đất theo hiện trạng của anh Nguyễn Đình H là 165m^2. Năm 2017, gia đình anh H đã hiến 30,4m^2 đất để mở rộng đường xã, diện tích còn lại là 134,6m^2, anh H vẫn sử dụng đúng vị trí, kích thước, diện tích đã được cấp, không lấn sang đất của ông B cũng như không lấn chiếm ao của UBND xã. Đối với phần ao của UBND xã mà ông B đã san lấp và trồng cây, UBND xã AB không đề nghị Tòa án giải quyết mà để tự UBND xã giải quyết với ông B.

Bà Đỗ Thị H (vợ ông Nguyễn Đình N), chị Nguyễn Thị Lan (con ông N), cụ Nguyễn Đình T (bố ông N) cùng các con của cụ Tứ đều trình bày đã thống nhất cho anh Nguyễn Đình H phần đất của vợ chồng bà Hòa, ông N. Những người này đều xác định việc UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H vào ngày 26/6/2002 với diện tích 169m^2 là đúng và không có ý kiến gì về việc cấp giấy chứng nhận này.

Ngày 08/6/2020, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định và định giá phần tài sản tranh chấp. Tại biên bản thẩm định ngày 08/6/2020 cùng sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo, ông Lưu Đăng B xác định phần đất tranh chấp nằm giáp ranh giữa hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông B và hiện trạng sử dụng đất của anh H có diện tích 49m^2 có kích thước cạnh như sau: cạnh phía Tây Bắc giáp đất gia đình ông B đang sử dụng có kích thước 18,9m; cạnh phía Đông Bắc giáp đất của anh H đang sử dụng có kích thước 2,54m; cạnh phía Đông Nam giáp đất của anh H đang sử dụng có kích thước 18,02m, cạnh phía Tây Nam giáp đất của gia đình ông B đang sử dụng có kích thước 2,47m. Giá trị phần đất tranh chấp là 6.000.000 đồng/m^2. Trên phần đất tranh chấp không có tài sản gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, quyết định:

Căn cứ các điều 38, 73, 79 Luật đất đai năm 1993; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính; khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điều 147, 156, 157, 158, 164, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đăng B đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Đình H trả lại 49m^2 đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện NS cấp ngày 26/6/2002 cho anh Nguyễn Đình H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2020, nguyên đơn ông Lưu Đăng B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Lưu Đăng B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Người đại diện hợp pháp và người người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Đăng B; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đình H bị khuyết tật nặng, không có khả năng nhận thức nhưng không ai đề nghị tuyên bố anh H mất năng lực hành vi dân sự, gia đình anh H đã cử ông Nguyễn Đình X (anh trai anh H) là người đại diện theo pháp luật của anh H, đồng thời Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H. Người đại diện hợp pháp của UBND huyện NS, UBND xã AB đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ghi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị xét xử vắng mặt UBND huyện NS, UBND xã AB. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Lưu Đăng B khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Đình H trả lại cho ông 49m^2 đất, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện NS cấp cho anh H vào ngày 26/6/2002. Căn cứ Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Đăng B, thấy:

Đối với yêu cầu trả lại 49m^2 đất: Ông B cho rằng anh H đã lấn chiếm của gia đình ông 49m^2 đất, vị trí đất lấn chiếm là phần ao mà theo bản đồ 299 có số thửa 439, diện tích 318m^2 gồm các cạnh: Tây Bắc dài 18,9m, Đông Bắc dài 2,54m, Đông Nam dài 18,02m, Tây Nam dài 2,47m, nguồn gốc của phần đất ao trên là của bố ông là cụ Lưu Đăng Đ để lại cho vợ chồng ông.

Hội đồng xét xử thấy anh Nguyễn Đình H được UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/6/2002 với diện tích 169m^2, ông B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc xác định diện tích đất sử dụng hợp pháp của ông B sẽ căn cứ vào hồ sơ địa chính trước ngày 26/6/2002 của địa phương. Theo bản đồ đo vẽ năm 1980 (bản đồ 299) và sổ mục kê kèm theo thể hiện: Cụ Địch có diện tích đất 450m^2 tại thửa số 438, tờ bản đồ số 8, loại đất thổ cư; ông B có diện tích đất 440m^2 tại thửa số 440, tờ bản đồ số 8, loại đất thổ cư. Theo bản đồ đo vẽ năm 1993 và sổ mục kê kèm theo, ông B có tổng diện tích đất là 675m^2 tại thửa 290, tờ bản đồ số 03, loại đất thổ cư. Ngoài ra, cụ Địch và ông B không đứng tên chủ sử dụng diện tích ao cũng như diện tích đất nào khác. Ông B khẳng định diện tích ao 318m^2 tại thửa số 439, tờ bản đồ số 8 (theo bản đồ 299) là của cụ Lưu Đăng Đ để lại cho vợ chồng ông sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông B cho rằng, diện tích đất ao đang tranh chấp do ông B đào nhưng không xuất trình chứng cứ chứng minh.

Tại sổ mục kê 299 thể hiện quyền sử dụng diện tích đất ao đang tranh chấp thuộc về hợp tác xã, sổ mục kê năm 1993 cũng thể hiện quyền sử dụng diện tích đất ao thuộc Ủy ban nhân dân xã AB. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B thừa nhận giấy tờ xác định quyền sử dụng đất ao đang tranh chấp đều có ký hiệu (HTX). Mặc dù, biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất đo vẽ ngày 21/6/2010 có thể hiện thửa số 177, tờ bản đồ số 18, diện tích 928m^2 (gồm cả phần đất ao), chủ sử dụng Lưu Đăng B, nhưng đại diện UBND huyện NS và xã AB khẳng định Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất trên chỉ thể hiện hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình, là một trong những căn cứ để UBND huyện NS tham khảo khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải giấy tờ để UBND huyện NS công nhận quyền sử dụng hợp pháp.

Tại văn bản trình bày ý kiến của UBND huyện NS, biên bản xác minh, văn bản trình bày ý kiến của UBND xã AB, người đại diện hợp pháp của UBND huyện NS đều xác định thửa đất số 439, tờ bản đồ số 8, diện tích 318m^2 trên là ao do UBND xã quản lý, không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông B. Diện tích ao theo hồ sơ địa chính năm 1993 có sự thay đổi so với năm 1980 là do UBND xã đã tách 139m^2 ao cho bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Đình N làm đất ở và do sai số đo đạc nên diện tích ao còn lại là 208m^2. Tài liệu đóng thuế quyền sử dụng đất của ông B xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm không thể hiện có việc đóng thuế đối với quyền sử dụng đất ao đang tranh chấp. Ngoài ra, ông B không xuất trình được chứng cứ, tài liệu nào chứng minh ông được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất ao đang tranh chấp.

Mặt khác, đại diện UBND xã AB xác định anh H sử dụng đất theo đúng vị trí, diện tích, kích thước đã được UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không lấn chiếm sang phần ao của UBND xã quản lý, việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H tăng so với sổ mục kê năm 1993 là do sai số đo đạc; kết quả thẩm định ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân

tỉnh Hải Dương thể hiện hiện trạng đất anh H đang sử dụng là 128,6m^2 (năm 2017 anh H đã hiến 30,4m^2 đất để mở rộng đường xã), như vậy nếu tính cả diện tích đất anh H đã hiến để làm đường thì anh H vẫn sử dụng đất không vượt quá diện tích được cơ quan có thẩm quyền giao. Do đó, việc ông B cho rằng anh H đã lấn sang phần ao của gia đình ông với diện tích 49m^2 là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26/6/2002 của anh Nguyễn Đình H, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Đình H là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp lần đầu. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H, không có tài liệu nào thể hiện anh H bị khuyết tật nặng, bố anh H là cụ Nguyễn Đình T thay mặt anh H trực tiếp đi làm thủ tục để cấp giấy chứng quyền sử dụng đất. Sau khi nhận được đơn của cụ Nguyễn Đình T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H, UBND xã AB, UBND huyện NS đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật như họp xét duyệt tại xã, lập danh sách, đề nghị UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 26/6/2002, UBND huyện NS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, nguồn gốc thửa đất là của bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Đình N, ông Nguyên đã chết nhưng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H không có văn bản thể hiện ý chí của những người thừa kế của ông Nguyên đồng ý tặng cho anh H là chưa bảo đảm tính pháp lý. Quá trình giải quyết vụ án, những người thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Đình N là bà Hòa, chị Lan, cụ Tứ và các anh chị em ông Nguyên đều có văn bản thể hiện quan điểm đồng ý cho anh H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 169m^2, đồng ý việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H. Mặt khác, không có việc anh H lấn chiếm diện tích đất của gia đình ông B. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, việc ông B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đăng B đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Đình H trả lại 49m^2 đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện NS cấp ngày 26/6/2002 cho anh Nguyễn Đình H là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại nhưng không xuất trình tài liệu chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bị đơn, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, bác kháng cáo của ông B; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông B là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đề nghị miễn án phí phúc thẩm nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông B theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Lưu Đăng B. Giữ nguyên quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, quyết định:

Căn cứ các điều 38, 73, 79 Luật đất đai năm 1993; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính; khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, cácđiều 147, 156, 157, 158, 164, 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đăng B đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Đình H trả lại 49m^2 đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện NS cấp ngày 26/6/2002 cho anh Nguyễn Đình H.

3. Án phí: Ông Lưu Đăng B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cường

CÁC THẨM PHÁN

Nguyễn Tất Nam

Hồ Sỹ Hưng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường